

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – Đ
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 24- 4 -2026

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Tấn Trường

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Xuân Thành

Ông **Phạm Khoa Nam**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Duyên -Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 11 – Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đ tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đức Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 – Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2026/QĐ-ST ngày 02/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Minh H, sinh năm 1987; Căn cước số 070187001146; Địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Vi Văn T, sinh năm 1986; CCCD số 024086005178; Địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Đ.

- *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ:* Cháu Vi Vũ Minh P, sinh năm 2011, cháu Vi Vũ Minh A, sinh năm 2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Vũ Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vi Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh B1(nay là xã B, tỉnh Đ) vào ngày 02/3/2010.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng không thể sống chung được nữa, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân. Bà xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không đạt được mục đích chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Vi Văn T.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung cháu Vi Vũ Minh P, sinh năm 2011, cháu Vi Vũ Minh A, sinh năm 2018. Hiện tại 02 cháu đang sống chung với bà, khi ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi 02 cháu; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vi Văn T trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị Minh H, bị đơn ông Vi Văn T vắng mặt nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đ phát biểu: (Có bản phát biểu riêng)

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Minh H.

Về con chung: Căn cứ Điều 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung cháu Vi Vũ Minh P, sinh năm 2011, cháu Vi Vũ Minh A, sinh năm 2018 cho bà Vũ Thị Minh H trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

[1] Bà Vũ Thị Minh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với ông Vi Văn T có nơi cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Đ. Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đ xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, nuôi con chung”. Căn cứ các Điều 28; 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đ.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị Minh H vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Vi Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Minh H, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa bà H ông T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2010 tại UBND xã L1, huyện B, tỉnh B1 (nay là xã B, tỉnh Đ).

[4] Bà H xác định trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng không thể sống chung, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân, bà H xác định không thể sống chung với nhau được nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho bà H các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà H, ông T đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H được ly hôn với ông T.

[5] Về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H ông T có 02 con chung cháu Vi Vũ Minh P, sinh năm 2011, cháu Vi Vũ Minh A, sinh năm 2018. Khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Xét thấy, hiện cháu Minh P và Minh A đang sống chung với bà H, các cháu có nguyện vọng được ở với bà H và bà H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con; quá trình giải quyết vụ án ông T không có ý kiến, yêu cầu đổi với các vấn đề bà H khởi kiện, do đó để đảm bảo môi trường ổn định giúp con chung phát triển tốt về tâm sinh lý, cần giao cháu Minh Phương và Minh A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của bà H là có căn cứ, được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên được ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Vũ Thị Minh H tự nguyện chịu nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 55, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Minh H;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Minh H được ly hôn với ông Vi Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị Minh H và ông Vi Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao con chung cháu Vi Vũ Minh P, sinh năm 2011, cháu Vi Vũ Minh A, sinh năm 2018 cho bà Vũ Thị Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Vũ Thị Minh H chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010683 ngày 08/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Đ – Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND Khu vực 11 – Đ;
- THADS Khu vực 11 – Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tấn Trường